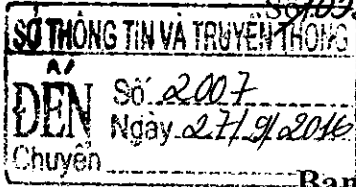


Số 1055/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 24 tháng 8 năm 2016



**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh thông qua đề án về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đề án về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 148/TTr-SYT ngày 22/8/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh thông qua đề án về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020.

**Điều 2.** Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc và định kỳ sơ kết, tổng kết, tổng hợp báo cáo kết quả về UBND tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
ĐIỀU CHỨC CHỦ TỊCH**



**Tống Thanh Hải**

## KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016  
của HĐND tỉnh thông qua đề án về công tác dân số - kế  
hoạch hóa gia đình tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020  
(Kèm theo Quyết định số 1055/QĐ-UBND, ngày 24 / 8 /2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Căn cứ Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đề án về công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh, cụ thể như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của xã hội, cộng đồng và Nhân dân trong việc thực hiện các quy định của Đảng và Nhà nước về chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình. Tạo sự đồng thuận, ủng hộ của toàn xã hội nhằm thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết HĐND tỉnh về công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình, góp phần nâng cao chất lượng dân số, chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

#### 2. Yêu cầu

- Cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị về công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình để triển khai thực hiện.

- Đề cao trách nhiệm và huy động sức mạnh của cấp uỷ, chính quyền các cấp và các tổ chức đoàn thể tại địa phương đặc biệt là cấp cơ sở; phát huy vai trò của các già làng, trưởng bản, cộng tác viên, người có uy tín trong cộng đồng để thực hiện công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của HĐND tỉnh để kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra.

### II. MỤC TIÊU

#### 1. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng dân số, cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, duy trì xu hướng giảm sinh, chủ động giải quyết những vấn đề về cơ cấu dân số, góp

phần phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và cải thiện chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

## 2. Kế hoạch thực hiện mục tiêu cụ thể đến năm 2020

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch thực hiện qua các năm				
			2016	2017	2018	2019	2020
1	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	18,67	18,93	18,43	17,93	17,43
2	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
3	Tổng tỷ suất sinh(TFR)	Con/PN	2,53	2,47	2,41	2,35	2,29
4	Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên giảm từ 0,5-1%/năm	%	19,91	19,41	18,91	18,41	17,91
5	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh	%	10	12	13	14	15
6	Tỷ lệ trẻ sinh ra được sàng lọc sơ sinh	%	10	15	20	25	30
7	Tỷ lệ các cặp vợ chồng sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại (CPR) tăng từ 0,5-1%/năm	%	68,2	68,7	69,2	69,7	70,2
8	Không chế mức tăng tỷ số giới tính khi sinh không quá 0,5 điểm%/năm (đến năm 2020 tỷ số giới tính khi sinh dưới 113 bé trai/100 bé gái)	Điểm %	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5

### III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

#### 1. Củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình từ tỉnh đến cơ sở:

- Đến năm 2020: Tổ chức đào tạo 01 lớp viên chức dân số cấp huyện, cấp xã đạt chuẩn viên chức dân số gắn với việc thực hiện chuyển đổi mã số chức danh nghề nghiệp cho viên chức làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình cấp huyện, cấp xã theo quy định; tổ chức 30 lớp tập huấn nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ về kiến thức dân số cơ bản cho đội ngũ y tế thôn bản mới nhận nhiệm vụ công tác dân số; đào tạo kỹ năng, kỹ thuật siêu âm chẩn đoán sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh cho 20 bác sỹ; mở 02 lớp tập huấn kỹ thuật lấy máu gót chân trẻ sơ sinh; 10 lớp tập huấn kỹ thuật đặt dụng cụ tử cung, công tác phòng chống nhiễm khuẩn cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại tuyến tỉnh, huyện, xã cho viên chức thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Đảm bảo biên chế cho Trung tâm dân số - kế hoạch hoá gia đình các huyện, thành phố theo quy định, đồng thời triển khai có hiệu quả các biện pháp nâng cao năng lực hoạt động của tổ chức bộ máy làm công tác dân số - kế hoạch

hoá gia đình; đảm bảo cung cấp đầy đủ, có chất lượng các gói dịch vụ dân số - kế hoạch hoá gia đình, đặc biệt là ở vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

## **2. Tăng cường truyền thông, vận động, giáo dục về chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình.**

- Đa dạng hoá các loại hình truyền thông về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về dân số - kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn dân cư: Tập trung truyền thông trọng điểm tại các địa bàn có tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, có dấu hiệu mất cân bằng giới tính khi sinh...; tiếp tục triển khai tuyên truyền vận động tại 37 xã thuộc 6 huyện thực hiện mô hình can thiệp giảm thiểu tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống và 14 xã thuộc 4 huyện duy trì mô hình giảm tỷ lệ mắc bệnh tan máu bẩm sinh (Thalasimiea) tại cộng đồng và đề án sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, đồng thời mở rộng địa bàn can thiệp đề án sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh trên toàn tỉnh. Hàng năm tổ chức có hiệu quả các hoạt động hưởng ứng ngày Dân số thế giới (11/7), tháng hành động quốc gia về dân số, ngày Dân số Việt Nam (26/12); tổ chức chiến dịch tăng cường tuyên truyền vận động, lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình tại 60-70 xã có mức sinh cao và vùng khó khăn trong 2 đợt chiến dịch.

- Hàng năm Sở Y tế tổ chức ký cam kết với Liên đoàn Lao động tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan và phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Trường Chính trị tỉnh, lồng ghép tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về dân số - kế hoạch hóa gia đình vào chương trình, kế hoạch của ngành, lĩnh vực; tổ chức các cuộc hội nghị nói chuyện chuyên đề, ký cam kết không vi phạm chính sách dân số tại các huyện, xã, bản có tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, có biểu hiện mất cân bằng giới tính khi sinh, có tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cao.

*(Có Phụ biểu số 01 kèm theo)*

3. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi Pháp lệnh về Dân số; tổ chức sơ kết, tổng kết hàng năm, giữa kỳ và 5 năm tình hình thực hiện Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020.

4. Các cấp, các ngành có liên quan đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho các tập thể và cá nhân có thành tích trong thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình theo Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Đồng thời kiểm điểm và xử lý nghiêm những đơn vị, cá nhân vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình theo quy định.

## **VI. KINH PHÍ**

1. Tổng kinh phí: 31,394 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 17,875 triệu đồng.
  - Nguồn viện trợ: 1,075 triệu đồng.
  - Ngân sách địa phương: 12,444 triệu đồng.
2. Tổng kinh phí chi cho các năm: 31,394 triệu đồng
- Năm 2016: 3,798 triệu đồng
  - Năm 2017: 7,781 triệu đồng
  - Năm 2018: 7,100 triệu đồng
  - Năm 2019: 6,231 triệu đồng
  - Năm 2020: 6,484 triệu đồng

*(Có Phụ biểu số 02 kèm theo)*

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Y tế**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hàng năm trên địa bàn toàn tỉnh, đảm bảo lồng ghép, gắn kết chặt chẽ với các chương trình, kế hoạch trong các lĩnh vực khác.

- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; kiến nghị điều chỉnh các nội dung hoạt động của kế hoạch cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn tại địa phương; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm và định kỳ báo cáo UBND tỉnh.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đưa các chỉ tiêu về dân số - kế hoạch hóa gia đình vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, giai đoạn của tỉnh. Hướng dẫn lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số - kế hoạch hóa gia đình vào việc xây dựng và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm. Cân đối, tổng hợp các nguồn lực đầu tư cho công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình theo Kế hoạch.

### **3. Sở Tài chính**

Chủ trì, căn cứ tình hình khả năng ngân sách hàng năm, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020; hướng dẫn thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã được phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

### **4. Sở Nội vụ**

- Tham mưu UBND tỉnh đảm bảo đủ số lượng cán bộ làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình theo quy định. Chỉ đạo thực hiện chuyển đổi mã số chức danh nghề nghiệp cho viên chức làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình



trên toàn tỉnh theo Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số.

- Hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định việc thực hiện công tác thi đua khen thưởng, chế độ chính sách về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình theo nội dung Kế hoạch.

### **5. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch**

Lồng ghép các nội dung về dân số - kế hoạch hoá gia đình vào các thiết chế văn hoá hướng tới mục tiêu gia đình ít con, no ấm, tiến bộ, hạnh phúc. Chỉ đạo đưa chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình vào phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", hương ước, quy ước làng văn hóa, khu dân cư văn hóa và phát triển gia đình bền vững tại các địa phương.

### **6. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Đưa các nội dung, chương trình giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới, giới tính cho học sinh, sinh viên vào trong nhà trường thông qua các bài giảng, sinh hoạt ngoại khóa... Tuyên truyền về tác hại của việc sinh con thứ 3 trở lên, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, hệ lụy của việc mất cân bằng giới tính khi sinh... đối với xã hội, đặc biệt là việc vận động học sinh không tham gia tảo hôn.

### **7. Sở Lao động Thương binh & Xã hội**

Thực hiện có hiệu quả chính sách về đào tạo nghề, tạo việc làm nhằm sử dụng tối đa và có chất lượng lực lượng lao động, phát huy lợi thế của giai đoạn cơ cấu "dân số vàng"; đảm bảo chính sách an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và vị thế của phụ nữ, trẻ em gái, cải thiện phúc lợi cho người cao tuổi.

### **8. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng, chỉ đạo thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học về dân số - kế hoạch hóa gia đình, đặc biệt là những nghiên cứu về nâng cao chất lượng dân số và sức khỏe sinh sản phù hợp với đặc thù của tỉnh.

### **9. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tăng cường hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số và sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới. Xử lý nghiêm những hành vi xuất bản những ấn phẩm, sản phẩm thông tin có nội dung vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình.

### **10. Sở Tư pháp**

Tổ chức kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật về công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân; Luật Hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh Dân số trên địa bàn tỉnh.

## **11. Báo Lai Châu, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh**

Tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; kết quả thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình tại các địa phương, đơn vị, kịp thời nêu gương những điển hình, nhân tố mới, đặc biệt bằng tiếng dân tộc.

## **12. Ban Dân tộc tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, vận động thực hiện chính sách, pháp luật về dân số và sức khỏe sinh sản với đồng bào dân tộc thiểu số; phối hợp xây dựng các mô hình nâng cao chất lượng dân số, mô hình giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách về công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Tham mưu, đề xuất bổ sung, điều chỉnh về chế độ, chính sách phù hợp với đặc thù của địa phương, từng dân tộc, từng giai đoạn.

## **13. Công an tỉnh**

Tăng cường các biện pháp nhằm ngăn chặn tình trạng xâm hại, lợi dụng trẻ em, buôn bán phụ nữ, trẻ em qua biên giới, dụ dỗ trẻ em vào các tệ nạn xã hội, phối hợp với cơ quan tư pháp kịp thời điều tra làm rõ, xử lý nghiêm các hành vi xâm hại trẻ em. Tạo môi trường lành mạnh, an toàn để trẻ em được học tập và phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Phối hợp với các sở, ngành liên quan tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình.

## **14. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh**

Phối hợp triển khai các quy định thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình đối với cán bộ và chiến sỹ trong toàn lực lượng. Tham gia các hoạt động phối hợp liên ngành trong công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động Nhân dân thực hiện tốt chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình tại địa bàn, nơi đóng quân, đặc biệt vùng khó khăn về sinh con thứ ba trở lên, tảo hôn, kết hôn cận huyết thống.

## **15. Các sở, ban, ngành khác**

Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao. Lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số - kế hoạch hoá gia đình vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành.

## **16. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên**

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai Kế hoạch; phối hợp với các sở, ngành liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp Nhân dân thực hiện tốt chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh; tham gia quản lý nhà nước, giám sát việc thực hiện pháp luật về dân số - kế hoạch hoá gia đình.

## **17. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm và hằng năm về công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình theo hướng dẫn của Sở Y tế và các sở, ngành liên quan, đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương trong cùng thời kỳ.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc, các đơn vị đóng trên địa bàn, UBND các xã, phường, thị trấn nghiêm túc thực hiện các nội dung Kế hoạch theo nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động giáo dục pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, tuyên truyền sâu rộng chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình trong Nhân dân, đặc biệt ở vùng có mức sinh cao, vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa nhằm giảm tỷ lệ bà mẹ sinh con thứ 3 trở lên, giảm thiểu tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống. Huy động được sự tham gia của toàn xã hội trong công tác dân số và phát triển bền vững.

- Chủ động, tích cực huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xử lý vi phạm hàng năm kịp thời theo quy định. Chỉ đạo việc lồng ghép nội dung dân số - kế hoạch hóa gia đình vào kế hoạch khác có liên quan trên địa bàn, trong các hương ước, quy ước của thôn bản, phù hợp với phong tục, tập quán và tạo được sự đồng thuận của Nhân dân.

Trên cơ sở nội dung Kế hoạch này, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện. Hàng năm báo cáo kết quả hoạt động về Sở Y tế trước ngày 15/12 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Tổng Thanh Hải**





**KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG, GIÁO DỤC CHUYÊN ĐỔI HÀNH VI VỀ  
DÂN SỐ - KHHGD TỈNH LAI CHÂU GIAI ĐOẠN 2016-2020**  
(Kèm theo Quyết định số 1055 /QĐ-UBND, ngày 24 /8 /2016 của UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch hoạt động qua các năm				
				Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan lồng ghép tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về dân số - KHHGD, chăm sóc sức khỏe sinh sản; thực hiện không tảo hôn, không kết hôn cận huyết thống.	Cơ quan	35	7	7	7	7	7
2	Tổ chức hội nghị chuyên đề tại huyện, xã có tỷ lệ sinh con thứ 3 cao, có biểu hiện mất cân bằng giới tính.	Hội nghị	100	20	20	20	20	20
3	Tuyên truyền phòng bệnh tan máu bẩm sinh, hướng ứng sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh	Cuộc	310	62	62	62	62	62
4	Tư vấn sức khỏe tiền hôn nhân (Tổ chức các hoạt động truyền thông về sức khỏe sinh sản vị thành niên, Luật Hôn nhân và gia đình... trong các giờ sinh hoạt ngoại khóa tại trường).	Trường học	105	21	21	21	21	21
5	Tổ chức chiến dịch truyền thông, vận động, lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD tại cơ sở (mỗi năm 2 đợt).	Xã	350	70	70	70	70	70
6	Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Dân số thế giới 11/7, tháng hành động quốc gia về Dân số và ngày Dân số Việt Nam 26/12	Cuộc	90	18	18	18	18	18



7	Tuyên truyền những hệ lụy, tác hại của tảo hôn, kết hôn cận huyết thống trên đài truyền thanh, truyền hình địa phương	Lượt	300	60	60	60	60	60
8	Tuyên truyền những hệ lụy, tác hại của tảo hôn, kết hôn cận huyết thống qua hệ thống phát thanh xã.	Lượt	1.300	260	260	260	260	260
9	Tổ chức các hoạt động hưởng ứng chiến dịch truyền thông về mất cân bằng giới tính khi sinh	Cuộc	45	9	9	9	9	9

*Handwritten signature or initials.*

Produced with ScanTOPDF



## TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ - KHHGD TỈNH LAI CHÂU GIAI ĐOẠN 2016-2020

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung hoạt động	Tổng số kinh phí giai đoạn 2016-2020				PHÂN KỲ THEO CÁC NĂM																			
						Năm 2016				Năm 2017				Năm 2018				Năm 2019				Năm 2020			
		Tổng số	TW	ĐP	DANN	Tổng số	TW	ĐP	DANN	Tổng số	TW	ĐP	DANN	Tổng số	TW	ĐP	DANN	Tổng số	TW	ĐP	DANN	Tổng số	TW	ĐP	DANN
	<b>Tổng cộng</b>	31.393	17.874	12.444	1.075	3.798	3.201	420	177	7.781	3.278	4.309	194	7.100	3.656	3.236	208	6.231	3.850	2.143	238	6.484	3.888	2.338	258
1	Chính sách khen thưởng, hỗ trợ	1.729	354	300	1.075	296	59	60	177	321	67	60	194	335	67	60	208	378	80	60	238	398	80	60	258
2	Chính sách đối với cộng tác viên Dân số	8.793	7.476	1.317		1.495	1.495			2.812	1.495	1.317		1.495	1.495			1.495	1.495			1.495	1.495		
3	Truyền thông giáo dục, chuyển đổi hành vi về Dân số - KHHGD	3.795	2.283	1.512		485	365	120		789	441	348		839	491	348		841	493	348		841	493	348	
4	Mô hình sàng lọc trước sinh, sơ sinh	8.552	131	8.421		286	46	240		2.355	22	2.333		2.615	22	2.593		1.531	21	1.510		1.765	20	1.745	
5	Mô hình can thiệp giảm tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống	894		894						251		251		235		235		225		225		185		185	
6	Xây dựng, sửa chữa trụ sở làm việc, bổ sung trang thiết bị																								
7	Đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ KHHGD (Thuốc, vật tư tiêu hao...)	4.859	4.859			749	749			815	815			965	965			1.115	1.115			1.215	1.215		
8	Duy trì kho dữ Dân số - KHHGD, tập huấn, kiểm tra giám sát...	2.771	2.771			487	487			438	438			616	616			645	645			585	585		